TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 23/8/2017.
V/v: "Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn

Bà Ngô Thị Minh Trang

**** Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc xin ly hôn và nuôi con chung.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 159 /2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hoàng D; sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tấn Hà T; sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 128, tổ 3, ấp Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H tỉnh Kiên Giang.

(Chị D, anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn Hà T có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/8/2012. Đến ngày 13/10/2012 vợ chồng tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép. Trước khi cưới vợ chồng có tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng mới tiến tới hôn nhân. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai có lối sống chưa phù hợp, anh T đi làm ăn ở tỉnh ít khi về nhà và không đem tiền về chăm lo cho vợ con. Chị D và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 25/10/2014, hiện nay cháu Thiên L đang sống với chị D.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị D yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T và xin được nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Tấn Hà T trình bày:

Anh T thống nhất trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Lý do mâu thuẫn vợ chồng là luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, do đặc thù công việc, anh thiếu sự quan tâm đối với chị D, mặt khác do chị D quá ghen tuông và can Thiệp quá sâu vào công việc của anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D và xin được quyền nuôi cháu Nguyễn Hoàng Thiên L, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoàng D và anh Nguyễn Tấn Hà T.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hoàng D về việc xin nuôi con.

3. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 25/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Hoàng D trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Tấn Hà T

cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Tấn Hà T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hoàng D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009734 ngày 19/11/2016 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Chị D phải nộp thêm 100.000đ *(Một trăm ngàn đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 29/05/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang kháng nghị với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Sửa lại tiền án phí mà nguyên đơn Nguyễn Thị Hoàng D phải nộp và buộc bị đơn Nguyễn Tấn Hà T phải nộp án phí theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng D và anh Nguyễn Tấn Hà T yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, sửa án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn, HĐXX thấy rằng:

[1] Trong quá trình xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, chị D và anh T đã thỏa thuận với nhau về hôn nhân nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D với anh T. Đồng thời, giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên L tiếp tục cho chị D nuôi dưỡng; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, chị D, anh T không kháng cáo.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Thông báo số 49A/TB-TLVA của Tòa án nhân dân huyện H thể hiện vụ án xin ly hôn và nuôi con chung giữa chị D với anh T được thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm ngày 20/10/2016. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 200.000 đồng và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị D phải chịu án phí 300.000 đồng và không buộc anh T phải chịu án phí đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con là có thiếu sót. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang về án phí.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hoàng D với anh Nguyễn Tấn Hà T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoàng D với anh Nguyễn Tấn Hà T.

- Về nuôi con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 25/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Hoàng D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tấn Hà T có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Thiên L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

* Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 131 BLTTDS năm 2005, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Hoàng D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch với số tiền 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)*, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0009734 ngày 19/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Chị D không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Tấn Hà T phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch với số tiền 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

- *Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm*: Chị D, anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**** Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh KG.
- TAND huyện H;
- T.H.A DS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Kế Nghiệp